

Bản án số: 254/2023/DS-PT

Ngày: 09/5/2023

V/v tranh chấp: Yêu cầu chia di sản thừa
kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DSST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 857/2023 /QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 198/27 A, khu phố 5, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Huy H, sinh năm 1961. (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018 - có mặt)

Địa chỉ: Số 151 D, Phường 6, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lý Chí C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 215 F, khu phố 5, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q - Văn Phòng luật sư Thụy Quyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1937 (vắng mặt);

3.2. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 419 ấp G, thị trấn H, huyện I, tỉnh An Giang.

(Ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H đều ủy quyền cho ông Lý Chí C làm đại diện theo văn bản ủy quyền công chứng số 80 và 81, cùng ngày 05/3/2020).

3.3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1948 (vắng mặt);

3.4. Bà Trịnh Kiều P, sinh năm 1972 (vắng mặt);

3.5. Trịnh Kiều P1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.6. Trịnh Kiều Phi Y, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 198/27 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Trần Thị M, Trịnh Kiều P, Trịnh Kiều P1 và Trịnh Kiều Phi Y đều ủy quyền cho ông Hà Huy H làm đại diện theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 18/4/2019).

3.7. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Lô 4 căn 1, hẻm 90, K, phường L, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

3.8. Ông Lý Chí H, sinh năm 1956 (chết trong giai đoạn đang giải quyết vụ án).

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lý Chí H:

3.8.1. Bà Lê Thị G, sinh năm 1961 (vắng mặt);

3.8.2. Bà Lý Kim G, sinh năm 1988 (vắng mặt);

3.8.3. Ông Lý Kiên P, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 215A F, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

3.9. Bà Lý Hạnh P, sinh năm 1960 (vắng mặt);

3.10. Bà Lý Lệ C, sinh năm 1966 (vắng mặt);

3.11. Ông Lý Chí P, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3.12. Ông Lý Chí N, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 215A F, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

3.13. Bà Lý Hạnh N, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.14. Bà Trần Bạch L, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 15/5 Bà Triệu, phường R, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

(Trần Thị Thu H, Lê Thị G, Lý Kim G, Lý Kiên P, Lý Hạnh P, Lý Lệ C, Lý Chí P, Lý Chí N, Lý Hạnh N và Trần Bạch L đều ủy quyền cho ông Lý Chí C làm đại diện)

3.15. Bà Trần Thị Ánh H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: A29, đường O, phường L, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

(Trần Thị Ánh H có ý kiến từ chối tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải, xin vắng mặt khi xét xử vụ án)

3.16. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3.17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Văn T do ông Hà Huy H là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Cha mẹ của ông Trịnh Văn T và bà Trịnh Thị H (mẹ của Lý Chí C) là cụ Trịnh Văn N (chết 1978), cụ Nguyễn Thị N (chết 1989). Quá trình chung sống Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N có 04 người con chung là các ông bà Trần Ngọc T, Nguyễn Tấn H, Trịnh Văn T và Trịnh Thị H. Trong đó, ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H đã được cho người khác làm con nuôi từ nhỏ, không có sống chung nhà với Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N.

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất là di sản thừa kế có tranh chấp: Khi Trịnh Văn N, Nguyễn Thị N chết có để lại diện tích đất 7.046,9m². Ngoài ra, không còn tài sản gì khác nữa. Phần đất này, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tạm cấp thành các thửa: Thửa số 50, 50a, 50b tổng diện tích sử dụng chung 4.111,87m² do ông Trịnh Văn T và vợ của ông T là bà Trần Thị M đứng tên. Phần còn lại là thửa số 72, 72a diện tích sử dụng chung 2.935,03m² do ông Lý Chí C đứng tên.

Cha mẹ chết không để lại di chúc, giữa ông và Trịnh Thị H cũng chưa có sự phân chia đối với di sản thừa kế mà cha mẹ để lại, còn việc cấp giấy đất và quản lý sử dụng đất tạm thời như sau:

Khi cha mẹ còn sống thì giữa bên ông T và Trịnh Thị H có tạm quản lý sử dụng mỗi người một phần đất của cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, năm 2002 có đoàn đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) nên cả hai đều làm thủ tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ phần mình đang quản lý sử dụng như trên. Hai bên đăng ký QSDĐ chỉ là nhằm để tránh các hộ giáp ranh tranh chấp, thực chất không có làm thủ tục phân chia gì đối với số đất chung của cha mẹ.

Vào khoảng năm 2016, phía ông T có khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất này nhưng do Bộ luật dân sự quy định thời hiệu chia thừa kế chỉ có 10 năm nên mới chuyển sang kiện chia tài sản chung và kết quả xét xử bác đơn khởi kiện của ông T. Hiện nay, Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu chia thừa kế là 30 năm nên ông T tiếp tục kiện yêu cầu chia thừa kế đất này (đã được Tòa án nhân dân cấp cao xác định là được quyền khởi kiện lại tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 143/QĐ-GQKN, ngày 06/9/2018).

Lý do yêu cầu chia lại đất là vì hiện trạng đất mà hai bên đang tạm sử dụng có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Cụ thể, đất bên anh C (con Trịnh Thị H) nằm ngoài mặt tiền đường F, còn bên ông T nằm phía sau hậu, phải đi vào bằng đường hẻm nhỏ, nên ông T yêu cầu Tòa chia thừa kế QSDĐ này lại cho ông và bên anh C theo quy định của pháp luật.

Cụ thể ông T yêu cầu chia đất lại như sau:

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Tờ trích đo địa chính số ĐĐ 109-2020, lấy mặt chính là mặt tiếp giáp đường F kéo dài ra sau hết đất, chia đôi ra, mỗi người một bên. Ông T yêu cầu lấy phía giáp đất bà Dương Thị Bích N đo qua 17,17m làm chuẩn kéo dài ra tới phía sau hậu hết đất ông T đang sử dụng, mặt hậu lớn hơn tính ra là 22,275m ngang; Phần nửa đất còn lại giao cho bên phía ông C sử dụng. Trong trường hợp chia lại có ảnh hưởng đến nhà, công trình xây dựng của bên ông C thì ông T đồng ý bồi thường giá trị nhà, công trình xây dựng cho bên ông C, còn phần đất bên ông T đang quản lý nếu có nhà, công trình xây dựng trên đất ông T sẽ tự tháo dỡ giao đất cho ông C, không yêu cầu bồi thường.

Yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2.935,03m² do ông Lý Chí C đứng tên để cấp lại theo yêu cầu phân chia thừa kế, gồm 300m² đất ở, tại thửa 72a, tờ bản đồ số 14, tại đường F, khu phố 3, phường R, thành phố C, tỉnh Kiên Giang, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5301051562, ngày 09/10/2002 và 2.635,03m² đất vườn, tại thửa 72, tờ bản đồ số 14, tại đường F, khu phố 3, phường R, thành phố C, tỉnh Kiên Giang, do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2452/2002/QSDĐ ngày 28/10/2002.

Ngoài ra, ông Trịnh Văn T còn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngăn chặn chuyển dịch QSDĐ thửa đất số 72 và 72a đối với ông Lý Chí C. Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 15/11/2018.

Bị đơn ông Lý Chí C theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày:

Về mối quan hệ thân tộc đời ông bà ngoại là cụ Trịnh Văn N, Nguyễn Thị N như ông Trịnh Văn T trình bày là đúng.

Ông Lý Chí C là con của bà Trịnh Thị H (chết năm 2002), cha là Lý B (chết 1978), cha mẹ ông có 08 người con: (1) Lý Chí H (chết 2021), có vợ là Lê Thị G và 02 con Lý Kim G, Lý Kiến P, (2) Lý Hạnh P, (3) Lý Lệ C, (4) Lý Chí P, (5) Lý Hạnh N, (6) Lý Thị Lệ P (chết, không có chồng con), (7) Lý Chí H (chết 2002) có vợ là Trần Bạch L và con là Lý Chí N, (8) Lý Chí C. Tất cả anh chị em ông Lý Chí C đều đang ở trên phần đất do bà Trịnh Thị H để lại, thì bị ông T kiện chia thừa kế.

Về nguồn gốc đất 7.046,9m² là của ông bà ngoại ông Lý Chí C là cụ Trịnh Văn N và cụ Nguyễn Thị N khai phá. Tuy nhiên, đây không phải là di sản thừa kế như bên ông T trình bày, bởi vì phần đất này, khi còn sống, Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N đã phân chia cho mẹ của ông C là và Trịnh Thị H và ông T.

Từ năm 1958, bà Trịnh Thị H đã cất nhà ở trên phần đất 2.935,03m², do được Trịnh Văn N, Nguyễn Thị N phân chia cho quản lý, sử dụng ổn định đến nay. Khi còn sống, Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N đã đào con mương làm ranh giới và chia hẳn cho bà Trịnh Thị H 2.935,03m² thuộc thửa 72, và thửa 72a tờ bản đồ số 14, giáp với đường F (lúc này chỉ là lối mòn, chưa có đường lộ), còn ông Trịnh Văn T được chia 4.111,87m² thuộc thửa 50, 50a, 50b tờ bản đồ số 14. Việc phân chia này có đầy đủ mặt 04 người con của Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N là ông Trịnh Văn T, ông Trần Ngọc T, ông Nguyễn Tấn H và bà Trịnh Thị H chứng kiến và thống nhất. Việc chia đất nêu trên bằng lời nói, không lập thành văn bản nhưng được các bên thừa nhận và quản lý, sử dụng, cải tạo đất, cất nhà ở ổn định cho đến nay.

Năm 2002, chính ông Trịnh Văn T là người chỉ ranh để làm giấy tờ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hai bên. Lúc này, bà Trịnh Thị H còn sống. Trong thời gian chờ hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ, thì Trịnh Thị H chết nên anh em trong gia đình họp mặt thống nhất để lại cho ông Lý Chí C đứng tên QSDĐ nên ông C làm tiếp các thủ tục tiếp theo và được cấp giấy theo quy định. Suốt quá trình này, ông T không tranh chấp hay ngăn cản gì (trong hồ sơ xin cấp đất có tờ lệ phí trước bạ do không biết nên ông C có ký thay tên Trịnh Thị H vào sau ngày Trịnh Thị H chết, nhưng không ảnh hưởng gì đến thủ tục cấp đất, ông C vẫn hoàn thành việc nộp lệ phí đầy đủ nên đã được xét duyệt và cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định.

Do đó, ông Lý Chí C không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T, không thừa nhận QSDĐ do ông C đang quản lý thuộc thửa đất số 72, 72a là di sản thừa kế do Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N để lại, vì đây là tài sản quyền sở hữu của mẹ ông C là bà Trịnh Thị H, để lại cho con. Đồng thời, ông C không đồng ý yêu cầu của ông Trịnh Văn T về việc hủy các giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho ông C.

Ngoài ra, đối với diện tích đất thuộc thửa 72 và 72a, hiện nay ông C đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích này cho bà Trần Thị Ánh H, hai bên đang tiến hành hoàn tất thủ tục sang tên QSDĐ thì bị Tòa án ngăn chặn lại. Đối với hợp đồng chuyển nhượng này ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, giữa ông và bên Trần Thị Ánh H sẽ tự thỏa thuận thực hiện sau khi đã giải quyết xong vụ kiện với ông Trịnh Văn T. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển nhượng đối với 02 thửa đất của ông, bởi vì đây là tài sản hợp pháp của ông được Nhà nước công nhận, biện pháp khẩn cấp này đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông. Ông C cũng xác định không có yêu cầu phản tố gì đối với phía nguyên đơn.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía ông Trịnh Văn T gồm bà Trần Thị M, Trịnh Kiều P, Trịnh Kiều P1 và Trịnh Kiều Phi Y đều có văn bản ủy quyền cho ông Hà Huy H trình bày:***

Các ông bà là những người ở trên đất cùng với ông Trịnh Văn T, đồng ý lời trình bày của ông T và yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần đất do ông T và ông C

quản lý; việc chia thừa kế có ảnh hưởng đến chỗ ở công trình xây dựng gì thì đồng ý tháo dỡ, không yêu cầu phải bồi thường.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía ông Lý Chí C gồm Trần Thị Thu H, Lê Thị G, Lý Kim G, Lý Kiên P, Lý Hạnh P, Lý Lệ C, Lý Chí P, Lý Chí N, Lý Hạnh N, Trần Bạch L đều có văn bản ủy quyền cho ông Lý Chí C trình bày:***

Có cùng ý kiến với ông Lý Chí C đối với nội dung tranh chấp của ông Trịnh Văn T, không đồng ý chia thừa kế theo lời của ông T vì đây là đất của mẹ các ông bà là Trịnh Thị H để lại. Đồng thời không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần quyền thừa kế di sản của bà Trịnh Thị H để lại trong vụ kiện này. Phần nhà, tài sản của các anh em đang sử dụng cùng với ông C trên đất của Trịnh Thị H để lại đồng ý theo kết quả xét xử của Tòa án, Tòa xử như thế nào đồng ý thực hiện theo bản án, không yêu cầu giải quyết gì liên quan đến nhà đất, tài sản trên đất trong vụ kiện này.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H có văn bản trình bày ý kiến, ủy quyền cho ông Lý Chí C tham gia tố tụng, nội dung trình bày như sau:***

Ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H đều là con của Trịnh Văn N và Năm, hai ông được cho đi làm con nuôi từ nhỏ, nên không sống chung trong gia đình, nhưng đều được cha mẹ, anh em thừa nhận. Đối với phần đất tranh chấp giữa ông T với bên ông C, ông Trần Ngọc T ông Nguyễn Tấn H có ý kiến như sau: Nguồn gốc đất đúng là do cha mẹ các ông bà là Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N tạo lập, nhưng khi cha mẹ còn sống đã chia đất cho con. Cụ thể năm 1958, cha mẹ đã chia cho ông T quản lý sử dụng một bên đất diện tích 4.111,87m², phần còn lại giao cho Trịnh Thị H quản lý sử dụng. Từ đó đến nay, hai bên vẫn sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H không được chia đất và cũng không có yêu cầu gì trong phần đất của cha mẹ. Ý kiến của ông Trần Ngọc T, ông Nguyễn Tấn H là không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, đất cha mẹ đã cho ông T và Trịnh Thị H thì không còn là di sản thừa kế nên không thể đòi chia như hiện nay được.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ánh H trình bày:***

Bà Trần Thị Ánh H là người mua lại đất của ông Lý Chí C (đang bị ông T tranh chấp), lúc mua không biết hai bên thừa kiện nhau. Hợp đồng chuyển nhượng giữa Trần Thị Ánh H và ông C đang bị ngăn chặn theo quyết định của Tòa án. Việc giải quyết vụ kiện này, Trần Thị Ánh H không có ý kiến gì. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Trần Thị Ánh H và ông C sẽ tự giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Trần Thị Ánh H xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, cũng như xin không tham gia hòa giải, xét xử vụ án do bận phải đi làm.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có văn bản trình bày:***

Trên cơ sở báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban tỉnh xác định năm 2002 bà Trịnh Thị H lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 2.935,03m², gồm 300m² đất ở và 2.635,03m² đất vườn, được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 5301051562, ngày 09/10/2002, thửa 72a, tờ bản đồ 14, diện tích 300m². Phần 2.635,03m², thuộc thửa 72, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận cho bà Trịnh Thị H theo thẩm quyền.

Về nguồn gốc đất đã được xác minh là của ông bà của bà Trịnh Thị H để lại; Trịnh Thị H sử dụng, xây nhà ở ổn định từ năm 1958, đến năm 2002 xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Sở Địa Chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) đã có Thông báo số 73/TB-ĐC ngày 29/7/2002 thông báo cấp giấy chứng nhận QSDĐ và quyền sở hữu nhà cho Trịnh Thị H trên các phương tiện thông tin theo quy định, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Trịnh Thị H (chết để lại cho con là Lý Chí C đứng tên) được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 10, 11 và 16 Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ về quyền sở hữu nhà ở và QSDĐ ở tại đô thị và Quyết định số 1426/2001/QĐ-UB, ngày 17/7/2001 của UBND tỉnh Kiên Giang. Từ đó, yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà Trịnh Thị H (Trịnh Thị H chết ông Lý Chí C đứng tên thừa kế) mà phía ông T yêu cầu là không có cơ sở.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố C:**
xin vắng mặt trong hòa giải, xét xử và không trình bày ý kiến gì.

Tại Bản án số 58/2022/DSST ngày 05 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

“Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 474, Điều 476, Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 255 và Điều 637 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 247, 634 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Lý Chí C. Cụ thể: nguyên đơn ông Trịnh Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 7.046,9m², hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.935,03m² cấp cho bà Trịnh Thị H do ông Lý Chí C đứng tên thừa kế, gồm: 300m² đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 5301051562, thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 09/10/2002 và diện tích 2.635,03m² được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 28/10/2002.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; tờ trích đo địa chính số TĐ 109-2020 ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Kiên Giang có diện tích và vị trí cụ thể:

- Thửa đất 72 và 72a được sử dụng chung, có các cạnh như sau:
 - + Cạnh 1-2 = 38,10m giáp đất ông Trịnh Văn T;
 - + Cạnh 2-3 = 30,4m; cạnh 3-4 = 47,00m giáp nương chung R=0,4m tới đất Cao Văn Bình;
 - + Cạnh 4-5 = 34,34m giáp đường F;
 - + Cạnh 5-6 = 22,35m; 6-7 = 12,00m; 7-1 = 50,4m giáp đất bà Dương Thị Bích N (đất ông Sáu và ông Hai trước đây).

2. Về chi phí tố tụng:

2.1 Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc nguyên đơn ông Trịnh Văn T phải chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.523.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0004109 ngày 19/08/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn đã nộp đủ.

2.2 Về chi phí định giá tài sản: Buộc nguyên đơn ông Trịnh Văn T phải chịu lệ phí định giá tài sản số tiền là 51.891.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000020 ngày 30/11/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn đầu tư Miền Tây. Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí: Trả lại cho ông Trịnh Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007058, ngày 19/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung”.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 10/2023/QĐ-SCBSBA ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DSST ngày 05/12/2022 như sau: “Tại dòng thứ 11 từ dưới lên trang 13 của bản án đã ghi: “300m² đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 5301051562, thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 09/10/2002 và diện tích 2.635,03m² được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 28/10/2002”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “300m² đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 5301051562, thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày

09/10/2002 và diện tích 2.635,03m² được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận *thửa 72*, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 28/10/2002”.

Ngày 13 và ngày 15 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn ông Trịnh Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã cấp cho ông Trịnh Văn T và bà Trịnh Thị H. Phân chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị H là toàn bộ khu đất diện tích 7.046m². Yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và kháng cáo. Cụ thể, phía nguyên đơn yêu cầu chia lại đất, lấy mặt chính là mặt tiếp giáp đường F kéo dài ra sau, hết đất, chia đôi, mỗi bên một nửa; yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc cấm chuyển dịch tài sản đối với bị đơn.

Bị đơn ông Lý Chí C vẫn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Huy H trình bày:

Các thửa đất là di sản do cụ Trịnh Văn N và cụ Nguyễn Thị N để lại, hai cụ chết, không để lại di chúc, các đồng thừa kế của hai cụ chưa có văn bản phân chia di sản. Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để định giá lại, hoặc sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Ông T và Trịnh Thị H đã sử dụng riêng phần đất mà mỗi người được cha mẹ chia cho từ năm 1958, 1960. Khi đó, Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N vẫn còn sống, và đồng ý. Khi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bên, ông T là người dẫn đoàn cán bộ đi đo đất, ông T trực tiếp chỉ ranh, ký giáp ranh. Việc con của nguyên đơn ở trên đất, không là căn cứ chứng minh tài sản chưa chia, vì đã có bản án có hiệu lực của Tòa án buộc con của nguyên đơn phải trả lại đất cho ông Lý Chí C. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không yêu cầu định giá lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tinh thần án lệ số 24 để giải quyết vụ án là chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài sản ông Lý Chí C đứng tên là tài sản do mẹ của ông C là bà Trịnh Thị H được cha mẹ cho, sử dụng ổn định từ năm 1958, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2002, theo xác nhận của Ủy ban là đúng trình tự, thủ tục. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và canh tác, được ông Trịnh Văn T là người sử dụng đất giáp ranh thừa nhận, không tranh chấp nên quan điểm của nguyên đơn cho rằng các thửa đất là di sản chưa chia, là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã có các ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án. Những người vắng mặt này không kháng cáo, hoặc không liên quan đến việc kháng cáo. Do đó, căn cứ các Điều 228, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2]. Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn T là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn T đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã cấp cho ông Trịnh Văn T và bà Trịnh Thị H, đồng thời yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Trịnh Văn N và bà Nguyễn Thị H là toàn bộ khu đất diện tích 7.046m²:

Các đương sự thống nhất các nội dung sau:

Cụ Trịnh Văn N (chết 1978) và Nguyễn Thị N (chết 1989).

Sinh thời, Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N sinh được 04 người con, ông Trần Ngọc T, ông Nguyễn Tấn H, ông Trịnh Văn T (nguyên đơn) và bà Trịnh Thị H

(chết 2002). Những người thừa kế của Trịnh Thị H gồm: ông Lý Chí C (bị đơn); ông Lý Chí H (chết) có vợ là bà Lê Thị G, 02 người con ông Lý Kim G và ông Lý Kiên P; bà Lý Hạnh P, bà Lý Lệ C; ông Lý Chí P; ông Lý Chí N; bà Lý Hạnh N và bà Lý Lệ Phương (bà Phương chết không có người thừa kế).

Tài sản tranh chấp là 7.046,9m², bao gồm:

Thửa số 50 (2.352m²); thửa 50a (300m²) và thửa 50b (1.459,10m²), thuộc tờ bản đồ 14, tọa lạc tại 198/27 đường A, khu phố 3, phường R, thị xã C, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích sử dụng chung của ba thửa là 4.11,87m², do ông Trịnh Văn T và bà Trần Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003.

Thửa 72a (300m²) và thửa 72 (2.635,03m²), thuộc tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại đường F, khu phố 3, phường R, thành phố C, tỉnh Kiên Giang. Tổng diện tích của hai thửa là 2.935,03m², do ông Lý Chí C (là con của bà Trịnh Thị H) được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở từ năm 2002.

Nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là do Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N khai phá, sử dụng trước đây. Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N chết, không để lại di chúc.

Quá trình sử dụng đất, ông T thừa nhận và ông C trình bày là: Hiện trạng sử dụng đất (như kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang) đã được hình thành từ trước, khi Trịnh Văn N, Nguyễn Thị N còn sống, gia đình ông T và gia đình Trịnh Thị H đã sử dụng riêng 02 phần đất như hiện nay từ những năm 1958, 1960. Giữa hai phần đất này có một con mương (mương đã bị lạn, chỉ còn vị trí) làm ranh giới. Điều này cũng là phù hợp với lời trình bày của ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H là hai ông đã được cho làm con nuôi từ nhỏ, nhưng vẫn biết và chứng kiến cha mẹ chia đất cho ông T và Trịnh Thị H khi còn sống, hai ông cũng đồng ý việc phân chia này. Sau khi Trịnh Văn N chết, còn lại Nguyễn Thị N còn sống ở chung với Trịnh Thị H trên phần đất Trịnh Thị H quản lý, các anh em cũng tiếp tục thống nhất việc quản lý sử dụng đất trước đây, cho đến khi Nguyễn Thị N chết Trịnh Thị H và ông T vẫn sử dụng phần đất của mỗi bên được chia, hai bên không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì.

Hồ sơ thể hiện khi Trịnh Thị H lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T ký giáp ranh; ông T là người trực tiếp kê khai các thửa đất của mình khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Văn bản số 150/STNMT-VPĐK, ngày 20/12/2019 về việc xác định nội dung ý kiến trình bày về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Trịnh Thị H và Công văn số 12/STNMT-VPĐK, ngày 13/01/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường, cũng như ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đều khẳng định việc thẩm tra xác minh nguồn gốc đất và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Trịnh Thị H vào năm 2002, là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với ý kiến này của Sở Tài nguyên Môi trường và Ủy ban tỉnh Kiên Giang, ông T cũng thừa nhận và không có ý kiến phản đối gì.

Như vậy, mặc dù không có văn bản phân chia đất của Trịnh Văn N và Nguyễn Thị N cho các con, nhưng từ thực tế sử dụng đất cũng như lời trình bày của ông Trần Ngọc T và ông Nguyễn Tấn H và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định ông T và bà Năm đã tự phân chia đất của cha mẹ để lại, mỗi bên sử dụng ổn định từ trước năm 1960, đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất mà mình trực tiếp quản lý sử dụng. Mặt khác, ông T đưa ra lý do là phần đất của ông quản lý sử dụng không nằm ngoài mặt tiền đường F nên có giá trị thấp hơn đất bên Trịnh Thị H (ông C) quản lý sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên yêu cầu phải chia lại đất, là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T về việc chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 7.046,9m² và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 2.935,03m², tại các thửa 72a và 72, cấp cho bà Trịnh Thị H, sau đó do ông Lý Chí C thừa kế, là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nào khác, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T; đồng thời cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu người đại diện theo ủy quyền của ông T về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm giống như yêu cầu của ông T, hoặc hủy bản án sơ thẩm để định giá lại.

[2.1]. Xét kháng cáo của ông Trịnh Văn T về việc yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm chuyển dịch về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang”: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T về việc chia di sản thừa kế không được chấp nhận, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05/12/2022, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/11/2018 và hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2018/QĐ-BPBD ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, là đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Trịnh Văn T về yêu cầu này không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn, là có căn cứ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Văn T sinh năm 1943, thuộc trường hợp là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; Điều 270; Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DSST ngày 05-12-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Trịnh Văn T với bị đơn là ông Lý Chí C; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác; và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 10/2023/QĐ-SCBSBA ngày 27/4/2023, của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 474, Điều 476, Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 255 và Điều 637 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 247, 634 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 101 Luật đất đai 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T về việc “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Lý Chí C. Cụ thể: nguyên đơn ông Trịnh Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 7.046,9m², hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.935,03m² cấp cho bà Trịnh Thị H do ông Lý Chí C đứng tên thừa kế, gồm: 300m² đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận số 5301051562, thửa 72a, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 09/10/2002 và diện tích 2.635,03m² được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận thửa 72, tờ bản đồ số 14, cấp ngày 28/10/2002.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang; tờ trích đo địa chính số TĐ 109-2020 ngày 07/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Kiên Giang có diện tích và vị trí cụ thể:

- Thửa đất 72 và 72a được sử dụng chung, có các cạnh như sau:
- + Cạnh 1-2 = 38,10m giáp đất ông Trịnh Văn T;
- + Cạnh 2-3 = 30,4m; cạnh 3-4 = 47,00m giáp nương chung R=0,4m tới đất Cao Văn Bình;
- + Cạnh 4-5 = 34,34m giáp đường F;

+ Cạnh 5-6 = 22,35m; 6-7 = 12,00m; 7-1 = 50,4m giáp đất bà Dương Thị Bích N (đất ông và ông H trước đây).

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Thuý Hoà